

DANH SÁCH HỌC SINH ĐÃ THANH TOÁN CÁC KHOẢN THU THÁNG 9 + 10
NĂM HỌC 2022 -2023

Cập nhật lúc 07:44:18 Ngày 04/11/2022

(Hàng tháng nhà trường sẽ cập nhật học sinh thanh toán các khoản thu)

STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
Trường THCS Trường Chinh			Tổng cộng 4 khối	115.275.000	1.003.073.420	
Khối 6			Tổng cộng 12 lớp	42.255.000	330.399.840	
Lớp 6/1			Tổng cộng 31 học sinh	15.225.000	54.721.940	
1	1202114622004290	2023TCTB-0027	Bùi Quỳnh Như	775.000	2.068.220	
2	1202114622004306	2023TCTB-0043	Cai Tường Vy	225.000	1.648.220	
3	1202114622004305	2023TCTB-0042	Cao Lê Nhã Uyên	225.000	1.648.220	
4	1202114622004273	2023TCTB-0010	Dương Tấn Dũng	775.000	2.068.220	
5	1202114622004291	2023TCTB-0028	Đào Trần Khánh Như	775.000	2.068.220	
6	1202114622004277	2023TCTB-0014	Đỗ Gia Khang	225.000	1.648.220	
7	1202114622004300	2023TCTB-0037	Huỳnh Anh Thư	225.000	1.648.220	
8	1202114622004286	2023TCTB-0023	Hứa Nhật Minh	225.000	1.648.220	
9	1202114622004284	2023TCTB-0021	Koo Sang Min	775.000	2.068.220	
10	1202114622004278	2023TCTB 0015	Lê Nguyên Khang	225.000	1.648.220	
11	1202114622004264	2023TCTB-0001	Lê Nguyễn Trường An	775.000	2.068.220	
12	1202114622004270	2023TCTB-0007	Lương Ngọc Minh Châu	225.000	1.648.220	
13	1202114622004272	2023TCTB-0009	Nguyễn Cao Hoàng Danh	225.000	1.648.220	
14	1202114622004294	2023TCTB-0031	Nguyễn Duy Phúc	225.000	1.085.000	
15	1202114622004301	2023TCTB-0038	Nguyễn Dương Anh Thư	775.000	1.505.000	
16	1202114622004289	2023TCTB-0026	Nguyễn Gia Nghi	775.000	2.068.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
17	1202114622004276	2023TCTB-0013	Nguyễn Minh Thái Hòa	775.000	2.068.220	
18	1202114622004302	2023TCTB-0039	Nguyễn Minh Trí	225.000	1.648.220	
19	1202114622004268	2023TCTB-0005	Nguyễn Ngọc Gia Bảo	225.000	1.648.220	
20	1202114622004279	2023TCTB-0016	Nguyễn Ngọc Nhã Khanh	225.000	1.648.220	
21	1202114622004265	2023TCTB-0002	Nguyễn Phúc An	775.000	2.068.220	
22	1202114622004271	2023TCTB-0008	Nguyễn Thị Bảo Châu	775.000	2.068.220	
23	1202114622004282	2023TCTB-0019	Phạm Thế Kiệt	775.000	1.505.000	
24	1202114622004269	2023TCTB-0006	Phạm Thùy Gia Bảo	225.000	1.648.220	
25	1202114622004296	2023TCTB-0033	Trần Hữu Phúc	775.000	1.085.000	
26	1202114622004304	2023TCTB-0041	Trần Kim Cát Tường	775.000	2.068.220	
27	1202114622004298	2023TCTB-0035	Trần Nguyễn Bảo Quyên	225.000	1.648.220	
28	1202114622004281	2023TCTB-0018	Trần Tuấn Khôi	225.000	1.648.220	
29	1202114622004287	2023TCTB-0024	Trịnh Ngọc Bảo Nam	225.000	1.648.220	
30	1202114622004292	2023TCTB-0029	Võ Hoàng Thuận Phát	775.000	2.068.220	
31	1202114622004267	2023TCTB-0004	Võ Phạm Trâm Anh	775.000	2.068.220	
Lớp 6/10			Tổng cộng 18 học sinh	10.330.000	32.422.960	
1	1202114622004327	2023TCTB-0064	Bùi Uyên Nhi	10.000	1.338.220	
2	1202114622004318	2023TCTB-0055	Đoàn Hy Hùng	770.000	2.038.220	
3	1202114622004328	2023TCTB-0065	Hoàng Nhật Huy Phát	770.000	2.038.220	
4	1202114622004329	2023TCTB-0066	Huỳnh Thiên Phúc	10.000	1.338.220	
5	1202114622004326	2023TCTB-0063	Lê Diệp Khôi Nguyên	10.000	1.338.220	
6	1202114622004337	2023TCTB-0074	Lê Hoàng Cẩm Tú	770.000	2.038.220	
7	1202114622004335	2023TCTB-0072	Lê Vĩnh Trà	350.000	1.338.220	
8	1202114622004310	2023TCTB-0047	Nguyễn Ngọc Anh	770.000	2.038.220	
9	1202114622004314	2023TCTB-0051	Nguyễn Ngọc Thiên Di	770.000	2.038.220	
10	1202114622004311	2023TCTB-0048	Nguyễn Nhật Ân	770.000	2.038.220	
11	1202114622004322	2023TCTB-0059	Nguyễn Nhật Minh	770.000	2.003.220	



SET	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
12	1202114622004324	2023TCTB-0061	Phạm Minh Ngọc	770.000	2.038.220	
13	1202114622004317	2023TCTB-0054	Phạm Trần Gia Hân	10.000	1.338.220	
14	1202114622004334	2023TCTB-0071	Tạ Hoàng Minh Thư	700.000	1.338.220	
15	1202114622004338	2023TCTB-0075	Trần Khải Tú	770.000	2.038.220	
16	1202114622004325	2023TCTB-0062	Trần Mai Thảo Ngọc	770.000	2.008.220	
17	1202114622004315	2023TCTB-0052	Trương Ngọc Thiên Di	770.000	2.038.220	
18	1202114622004340	2023TCTB-0077	Võ Mai Uyên	770.000	2.038.220	
Lớp 6/11			Tổng cộng 18 học sinh	180.000	24.057.960	
1	1202114622004349	2023TCTB-0086	Đỗ Xuân Hiếu	10.000	1.338.220	
2	1202114622004372	2023TCTB-0109	Hoàng Lê Nam Phương	10.000	1.338.220	
3	1202114622004357	2023TCTB-0094	Lê Mậu Lâm	10.000	1.338.220	
4	1202114622004376	2023TCTB-0113	Nguyễn Anh Tiên	10.000	1.338.220	
5	1202114622004359	2023TCTB-0096	Nguyễn Đức Long	10.000	1.338.220	
6	1202114622004346	2023TCTB-0083	Nguyễn Hoàng Ngọc Hân	10.000	1.338.220	
7	1202114622004366	2023TCTB-0103	Nguyễn Huỳnh Bái Như	10.000	1.338.220	
8	1202114622004344	2023TCTB-0081	Nguyễn Lê Bảo Châu	10.000	1.338.220	
9	1202114622004348	2023TCTB-0085	Nguyễn Quỳnh Bảo Hân	10.000	1.338.220	
10	1202114622004380	2023TCTB-0117	Nguyễn Thị Yến Vy	10.000	1.308.220	
11	1202114622004355	2023TCTB-0092	Nguyễn Thiên Kim	10.000	1.338.220	
12	1202114622004377	2023TCTB-0114	Phạm Nguyễn Bảo Trâm	10.000	1.338.220	
13	1202114622004362	2023TCTB-0099	Tô Bảo Nam	10.000	1.338.220	
14	1202114622004374	2023TCTB-0111	Tô Thanh Tâm	10.000	1.338.220	
15	1202114622004360	2023TCTB-0097	Trần Gia Minh	10.000	1.338.220	
16	1202114622004382	2023TCTB-0119	Trần Hà Thảo Vy	10.000	1.338.220	
17	1202114622004365	2023TCTB-0102	Trần Thị Yến Nhi	10.000	1.338.220	
18	1202114622004350	2023TCTB-0087	Trịnh Ngọc Hùng	10.000	1.338.220	
Lớp 6/12			Tổng cộng 14 học sinh	140.000	18.171.860	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
1	1202114622004389	2023TCTB-0126	Bùi Minh Đức	10.000	1.338.220	
2	1202114622004386	2023TCTB-0123	Bùi Võ Minh Anh	10.000	1.338.220	
3	1202114622004408	2023TCTB-0145	Cao Nguyễn Trúc Phương	10.000	1.338.220	
4	1202114622004384	2023TCTB-0121	Đinh Diệp Phương An	10.000	1.338.220	
5	1202114622004404	2023TCTB-0141	Hồ Mai Quỳnh Như	10.000	1.338.220	
6	1202114622004410	2023TCTB-0147	Hồ Nam Quý	10.000	1.338.220	
7	1202114622004406	2023TCTB-0143	Lê Hải Phong	10.000	1.338.220	
8	1202114622004400	2023TCTB-0137	Lê Nguyễn Bảo Ngọc	10.000	775.000	
9	1202114622004403	2023TCTB-0140	Lê Thành Nhân	10.000	1.338.220	
10	1202114622004419	2023TCTB-0156	Nguyễn Ngọc Bích Trâm	10.000	1.338.220	
11	1202114622004395	2023TCTB-0132	Nguyễn Quốc Khánh	10.000	1.338.220	
12	1202114622004409	2023TCTB-0146	Phan Ngọc Hà Phương	10.000	1.338.220	
13	1202114622004416	2023TCTB-0153	Trần Minh Thiện	10.000	1.338.220	
14	1202114622004390	2023TCTB-0127	Trương Ngọc Hân	10.000	1.338.220	
Lớp 6/2			Tổng cộng 27 học sinh	15.300.000	46.614.060	
1	1202114622004450	2023TCTB-0187	Bùi Hoàng Khánh Ngân	225.000	1.648.220	
2	1202114622004429	2023TCTB-0166	Bùi Quang Đạt	775.000	2.068.220	
3	1202114622004458	2023TCTB-0195	Đinh Bảo Sơn	775.000	2.068.220	
4	1202114622004451	2023TCTB-0188	Đỗ Bảo Ngân	225.000	1.648.220	
5	1202114622004424	2023TCTB-0161	Hoàng Kim Anh	775.000	2.068.220	
6	1202114622004425	2023TCTB-0162	Hoàng Nguyễn Minh Anh		30.000	
7	1202114622004433	2023TCTB-0170	Hoàng Thanh Hà	225.000	1.085.000	
8	1202114622004463	2023TCTB-0200	Lê Nguyễn Minh Tùng	775.000	2.068.220	
9	1202114622004452	2023TCTB-0189	Lê Thảo Nguyên	775.000	2.038.220	
10	1202114622004459	2023TCTB-0196	Lương Quang Thiện	775.000	2.068.220	
11	1202114622004449	2023TCTB-0186	Nguyễn Đình Hải Nam	225.000	1.085.000	
12	1202114622004439	2023TCTB-0176	Nguyễn Hoàng Khang		593.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
13	1202114622004465	2023TCTB-0202	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	775.000	2.068.220	
14	1202114622004427	2023TCTB-0164	Nguyễn Hoàng Minh Châu	775.000	2.068.220	
15	1202114622004442	2023TCTB-0179	Nguyễn Minh Khánh	775.000	2.068.220	
16	1202114622004438	2023TCTB-0175	Nguyễn Phạm Lan Hương	775.000	2.068.220	
17	1202114622004440	2023TCTB-0177	Nguyễn Phúc Khang	775.000	2.068.220	
18	1202114622004426	2023TCTB-0163	Nguyễn Phương Anh	775.000	2.068.220	
19	1202114622004445	2023TCTB-0182	Nguyễn Tuấn Khôi	775.000	2.068.220	
20	1202114622004457	2023TCTB-0194	Phạm Nguyễn Đông Quân	225.000	1.648.220	
21	1202114622004443	2023TCTB-0180	Phạm Nguyễn Minh Khánh	775.000	2.068.220	
22	1202114622004431	2023TCTB-0168	Phan Hải Đăng	225.000	1.648.220	
23	1202114622004454	2023TCTB-0191	Trần Hà Yên Như	775.000	2.068.220	
24	1202114622004462	2023TCTB-0199	Trần Nguyễn Thành Tú		593.220	
25	1202114622004460	2023TCTB-0197	Trần Thảo Trâm	775.000	2.068.220	
26	1202114622004447	2023TCTB-0184	Vũ Đan Lê	775.000	2.068.220	
27	1202114622004436	2023TCTB-0173	Vũ Ngọc Hân	775.000	1.505.000	
Lớp 6/3			Tổng cộng 19 học sinh	130.000	20.362.960	
1	1202114622004470	2023TCTB-0207	Đỗ Gia Bảo		593.220	
2	1202114622004473	2023TCTB-0210	Hoàng Nguyệt Cát	10.000	1.338.220	
3	1202114622004483	2023TCTB-0220	Huỳnh Bảo Minh	10.000	1.338.220	
4	1202114622004467	2023TCTB-0204	Lê Anh	10.000	1.338.220	
5	1202114622004493	2023TCTB-0230	Lê Đình Quốc Phong	10.000	1.338.220	
6	1202114622004507	2023TCTB-0244	Lê Thiệu Vỹ		593.220	
7	1202114622004480	2023TCTB-0217	Mạc Duy Gia Hưng	10.000	1.338.220	
8	1202114622004468	2023TCTB-0205	Mai Bảo Anh	10.000	1.338.220	
9	1202114622004471	2023TCTB-0208	Nguyễn Hoàng Ngọc Bình		593.220	
10	1202114622004469	2023TCTB-0206	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	10.000	1.308.220	
11	1202114622004489	2023TCTB-0226	Nguyễn Thanh Nhã	10.000	775.000	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
12	1202114622004498	2023TCTB-0235	Nguyễn Việt Hoàng Quân	10.000	1.338.220	
13	1202114622004499	2023TCTB-0236	Phạm Hoàng Quân		593.220	
14	1202114622004486	2023TCTB-0223	Phạm Mai Khôi Nguyên		593.220	
15	1202114622004475	2023TCTB-0212	Phạm Mạnh Đức	10.000	1.338.220	
16	1202114622004491	2023TCTB-0228	Phùng Bảo Như	10.000	1.338.220	
17	1202114622004506	2023TCTB-0243	Quế Ngọc Lan Uyên		593.220	
18	1202114622004501	2023TCTB-0238	Trần Hoàng Phương Thảo	10.000	1.338.220	
19	1202114622004487	2023TCTB-0224	Trịnh Bảo Nguyên	10.000	1.338.220	
Lớp 6/4			Tổng cộng 19 học sinh	150.000	23.191.180	
1	1202114622004534	2023TCTB-0271	Bùi Lê Mai Phương		593.220	
2	1202114622004535	2023TCTB-0272	Hòa Minh Quang	10.000	1.338.220	
3	1202114622004545	2023TCTB-0282	Huỳnh Anh Tuấn	10.000	1.338.220	
4	1202114622004516	2023TCTB-0253	Huỳnh Ngọc Gia Hân	10.000	1.338.220	
5	1202114622004527	2023TCTB-0264	Ngô Hoàng Bảo Ngọc	10.000	1.338.220	
6	1202114622004532	2023TCTB-0269	Nguyễn Gia Phong		593.220	
7	1202114622004509	2023TCTB-0246	Nguyễn Hoàng Anh	10.000	1.338.220	
8	1202114622004508	2023TCTB-0245	Nguyễn Khánh An	10.000	1.338.220	
9	1202114622004530	2023TCTB-0267	Nguyễn Lê Quỳnh Như	10.000	1.338.220	
10	1202114622004510	2023TCTB-0247	Nguyễn Ngọc Liên Chi	10.000	1.338.220	
11	1202114622004531	2023TCTB-0268	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	10.000	1.338.220	
12	1202114622004544	2023TCTB-0281	Nguyễn Ngọc Thiên Tú	10.000	1.338.220	
13	1202114622004519	2023TCTB-0256	Nguyễn Tam Minh Khang	10.000	1.338.220	
14	1202114622004512	2023TCTB-0249	Nguyễn Tiến Đạt	10.000	1.338.220	
15	1202114622004529	2023TCTB-0266	Phạm Anh Nhật	10.000	1.338.220	
16	1202114622004537	2023TCTB-0274	Phạm Vũ Minh Thiện	10.000	1.338.220	
17	1202114622004524	2023TCTB-0261	Phan Hoàng Thảo Mi		593.220	
18	1202114622004540	2023TCTB-0277	Trần Đặng Thanh Toàn	10.000	1.338.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
19	1202114622004525	2023TCTB-0262	Võ Trần Hoàng Nga		1.338.220	
Lớp 6/5			Tổng cộng 24 học sinh	190.000	27.829.060	
1	1202114622004579	2023TCTB-0316	Dương Quế Trâm	10.000	1.338.220	
2	1202114622004558	2023TCTB-0295	Đoàn Nguyễn Hà Huy	10.000	1.338.220	
3	1202114622004567	2023TCTB-0304	Đỗ Ngọc Nga	10.000	1.338.220	
4	1202114622004571	2023TCTB-0308	Lê Gia Phúc		593.220	
5	1202114622004556	2023TCTB-0293	Lê Minh Hào	10.000	1.338.220	
6	1202114622004552	2023TCTB-0289	Lê Nguyễn Gia Bảo	10.000	1.338.220	
7	1202114622004572	2023TCTB-0309	Lê Phạm Minh Phương	10.000	775.000	
8	1202114622004565	2023TCTB-0302	Nguyễn Bảo Nam		593.220	
9	1202114622004573	2023TCTB-0310	Nguyễn Bích Phương	10.000	1.338.220	
10	1202114622004575	2023TCTB-0312	Nguyễn Cao Kỳ Thư		593.220	
11	1202114622004580	2023TCTB-0317	Nguyễn Đoàn Quốc Tuấn	10.000	1.338.220	
12	1202114622004563	2023TCTB-0300	Nguyễn Đức Minh Lâm	10.000	1.338.220	
13	1202114622004577	2023TCTB-0314	Nguyễn Kiều Thương	10.000	1.338.220	
14	1202114622004566	2023TCTB-0303	Nguyễn Minh Phương Nam	10.000	1.338.220	
15	1202114622004569	2023TCTB-0306	Nguyễn Phương Nghi	10.000	1.338.220	
16	1202114622004549	2023TCTB-0286	Nguyễn Tuệ Anh	10.000	1.338.220	
17	1202114622004574	2023TCTB-0311	Nguyễn Thành Tâm		593.220	
18	1202114622004561	2023TCTB-0298	Nguyễn Vũ Ninh Khanh	10.000	1.338.220	
19	1202114622004550	2023TCTB-0287	Phạm Quỳnh Anh	10.000	1.338.220	
20	1202114622004547	2023TCTB-0284	Phạm Song An	10.000	1.338.220	
21	1202114622004582	2023TCTB-0319	Trần Lê Bảo Uyên		593.220	
22	1202114622004581	2023TCTB-0318	Trần Minh Tuệ	10.000	1.338.220	
23	1202114622004568	2023TCTB-0305	Vũ Đặng Bảo Ngân	10.000	1.338.220	
24	1202114622004576	2023TCTB-0313	Vũ Hồ Kỳ Thư	10.000	1.338.220	
Lớp 6/6			Tổng cộng 24 học sinh	210.000	28.755.840	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
1	1202114622004589	2023TCTB-0326	Bạch Thế Nhân Đức	10.000	1.338.220	
2	1202114622004597	2023TCTB-0334	Dương Ngọc Linh	10.000	1.338.220	
3	1202114622004598	2023TCTB-0335	Đỗ Khánh Linh	10.000	775.000	
4	1202114622004611	2023TCTB-0348	Hoàng Thiên Thư	10.000	1.338.220	
5	1202114622004583	2023TCTB-0320	Kiều Minh Anh	10.000	775.000	
6	1202114622004618	2023TCTB-0355	Lê Nguyễn Cẩm Tú		593.220	
7	1202114622004604	2023TCTB-0341	Lê Phạm Quỳnh Như	10.000	1.338.220	
8	1202114622004608	2023TCTB-0345	Lê Triệu Thanh Thảo	10.000	1.338.220	
9	1202114622004615	2023TCTB-0352	Nông Thị Thùy Trang	10.000	1.338.220	
10	1202114622004614	2023TCTB-0351	Ngô Mạnh Toàn	10.000	1.338.220	
11	1202114622004591	2023TCTB-0328	Nguyễn Hồ Minh Hiếu	10.000	1.338.220	
12	1202114622004602	2023TCTB-0339	Nguyễn Minh Nhật	10.000	1.338.220	
13	1202114622004607	2023TCTB-0344	Nguyễn Thanh Tâm	10.000	1.338.220	
14	1202114622004595	2023TCTB-0332	Nguyễn Thị Ngọc Lam	10.000	1.338.220	
15	1202114622004586	2023TCTB-0323	Phạm Hoàng Gia Bảo		593.220	
16	1202114622004610	2023TCTB-0347	Phạm Hoàng Thịnh	10.000	1.338.220	
17	1202114622004588	2023TCTB-0325	Phạm Linh Chi	10.000	1.338.220	
18	1202114622004609	2023TCTB-0346	Phạm Minh Thăng	10.000	1.338.220	
19	1202114622004605	2023TCTB-0342	Trần Đàm Bảo Phúc	10.000	1.338.220	
20	1202114622004592	2023TCTB-0329	Trần Lê Quang Huy		593.220	
21	1202114622004587	2023TCTB-0324	Trần Lê Quốc Bảo	10.000	1.338.220	
22	1202114622004613	2023TCTB-0350	Trần Minh Thy	10.000	1.338.220	
23	1202114622004600	2023TCTB-0337	Trần Thị Minh Nghi	10.000	1.338.220	
24	1202114622004594	2023TCTB-0331	Trương Quang Khải	10.000	1.338.220	
Lớp 6/7			Tổng cộng 12 học sinh	90.000	12.133.980	
1	1202114622004654	2023TCTB-0391	Bành Ngọc Bảo Thy	10.000	1.338.220	
2	1202114622004631	2023TCTB-0368	Bùi Ngô Thu Hương		593.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
3	1202114622004640	2023TCTB-0377	Đinh Đoàn Phương Lan	10.000	1.338.220	
4	1202114622004623	2023TCTB-0360	Đinh Huy Anh	10.000	1.338.220	
5	1202114622004655	2023TCTB-0392	Huỳnh Ngọc Thủy Tiên	10.000	1.338.220	
6	1202114622004628	2023TCTB-0365	Lê Nguyễn Ngọc Hà	10.000	775.000	
7	1202114622004653	2023TCTB-0390	Nguyễn Trường Phước Thịnh	10.000	1.338.220	
8	1202114622004629	2023TCTB-0366	Thiều Nam Hải	10.000	1.338.220	
9	1202114622004639	2023TCTB-0376	Võ Công Kiệt	10.000	1.338.220	
10	1202114622004649	2023TCTB-0386	Võ Hoàng Phúc		593.220	
11	1202114622004624	2023TCTB-0361	Vũ Anh	10.000	775.000	
12	1202114622004627	2023TCTB-0364	Vũ Minh Cường		30.000	
Lớp 6/8			Tổng cộng 16 học sinh	150.000	20.103.300	
1	1202114622004689	2023TCTB-0426	Cao Võ Bảo Như	10.000	1.338.220	
2	1202114622004694	2023TCTB-0431	Chu Long Thành	10.000	1.338.220	
3	1202114622004666	2023TCTB-0403	Đinh Ngọc Thiên Hà	10.000	1.338.220	
4	1202114622004665	2023TCTB-0402	Đỗ Hoàng Đạt	10.000	1.338.220	
5	1202114622004698	2023TCTB-0435	Hà Uy Vũ	10.000	1.338.220	
6	1202114622004696	2023TCTB-0433	Huỳnh Ngọc Thanh Thủy	10.000	1.338.220	
7	1202114622004681	2023TCTB-0418	Huỳnh Vũ Tuyết Ngân	10.000	1.338.220	
8	1202114622004674	2023TCTB-0411	Lê Nguyễn Minh Khôi	10.000	1.338.220	
9	1202114622004692	2023TCTB-0429	Lê Như Quỳnh	10.000	1.338.220	
10	1202114622004676	2023TCTB-0413	Nguyễn Cảnh Tường Lam	10.000	1.338.220	
11	1202114622004678	2023TCTB-0415	Nguyễn Đình Gia Long	10.000	1.338.220	
12	1202114622004673	2023TCTB-0410	Nguyễn Đoàn Ngọc Khánh	10.000	775.000	
13	1202114622004684	2023TCTB-0421	Nguyễn Văn Nghĩa	10.000	1.338.220	
14	1202114622004677	2023TCTB-0414	Phạm Cao Vân Lâm	10.000	1.338.220	
15	1202114622004683	2023TCTB-0420	Trần Kim Ngân		593.220	
16	1202114622004667	2023TCTB-0404	Trần Lê Khánh Hà	10.000	1.338.220	



	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
Lớp 6/9			Tổng cộng 18 học sinh	160.000	22.034.740	
1	1202114622004736	2023TCTB-0473	Hà Quốc Vũ	10.000	1.338.220	
2	1202114622004717	2023TCTB-0454	Lâm Cẩm Linh	10.000	1.338.220	
3	1202114622004710	2023TCTB-0447	Lê Đắc Minh Hiếu	10.000	1.338.220	
4	1202114622004726	2023TCTB-0463	Lê Ngọc Thanh Nhi	10.000	1.338.220	
5	1202114622004702	2023TCTB-0439	Ngô Bảo Châu	10.000	1.338.220	
6	1202114622004704	2023TCTB-0441	Nguyễn Đào Khánh Đăng	10.000	1.338.220	
7	1202114622004737	2023TCTB-0474	Nguyễn Hoàng Yến	10.000	1.338.220	
8	1202114622004711	2023TCTB-0448	Nguyễn Khắc Hiếu		593.220	
9	1202114622004705	2023TCTB-0442	Nguyễn Minh Hạnh	10.000	1.338.220	
10	1202114622004714	2023TCTB-0451	Nguyễn Minh Khang	10.000	1.338.220	
11	1202114622004700	2023TCTB-0437	Phạm Quang Anh		593.220	
12	1202114622004706	2023TCTB-0443	Phan Tuấn Hào	10.000	1.338.220	
13	1202114622004733	2023TCTB-0470	Phùng Xuân Trường	10.000	1.338.220	
14	1202114622004708	2023TCTB-0445	Quách Gia Hân	10.000	1.338.220	
15	1202114622004735	2023TCTB-0472	Tô Hoàng Việt	10.000	775.000	
16	1202114622004724	2023TCTB-0461	Trịnh Hải Nguyên	10.000	1.338.220	
17	1202114622004730	2023TCTB-0467	Trịnh Uyên Phương	10.000	1.338.220	
18	1202114622004709	2023TCTB-0446	Võ Ngọc Hân	10.000	1.338.220	
Khối 7			Tổng cộng 10 lớp	16.275.000	235.784.680	
Lớp 7/1			Tổng cộng 18 học sinh	5.775.000	22.591.520	
1	1202114621003915	TC2021-0036	Đào Anh Thơ		30.000	
2	1202114621003965	TC2021-0086	Đặng Gia Hân	775.000	2.068.220	
3	1202114621003902	TC2021-0023	Đỗ Khánh Linh		593.220	
4	1202114621003968	TC2021-0089	Hoàng Khánh Lam		593.220	
5	1202114621003883	TC2021-0004	Lê Hoàng Bảo Duy	225.000	1.648.220	
6	1202114621003980	TC2021-0101	Lê Phạm Đan Thanh	775.000	2.068.220	



	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
7	1202114621003895	TC2021-0016	Nguyễn Bình An Khang	225.000		
8	1202114621003885	TC2021-0006	Nguyễn Hải Đăng	775.000	2.068.220	
9	1202114621003972	TC2021-0093	Nguyễn Hoàng Ngân	225.000	1.648.220	
10	1202114621003975	TC2021-0096	Nguyễn Hoàng Thanh		593.220	
11	1202114621003988	TC2021-0109	Nguyễn Ngân Tuyền		593.220	
12	1202114621003880	TC2021-0001	Nguyễn Thạch Anh	775.000	2.068.220	
13	1202114621003963	TC2021-0084	Nguyễn Thu Giang		593.220	
14	1202114621003958	TC2021-0079	Phạm Minh Châu		593.220	
15	1202114621003898	TC2021-0019	Tổng Anh Khoa	225.000	1.648.220	
16	1202114621003887	TC2021-0008	Trần Hương Giang	225.000	1.648.220	
17	1202114621003908	TC2021-0029	Trương Phương Nam	775.000	2.068.220	
18	1202114621003890	TC2021-0011	Võ Ngọc Hân	775.000	2.068.220	
Lớp 7/10			Tổng cộng 11 học sinh	3.900.000	14.873.980	
1	1202114621003946	TC2021-0067	Đỗ Phạm Mai Thy	770.000	2.038.220	
2	1202114621003928	TC2021-0049	Huỳnh Nguyễn Minh Khôi		593.220	
3	1202114621003938	TC2021-0059	Huỳnh Nhật Phương	10.000	1.338.220	
4	1202114621003942	TC2021-0063	Lê Nam Thông	10.000	1.338.220	
5	1202114621003920	TC2021-0041	Lê Phương Anh	770.000	2.038.220	
6	1202114621003933	TC2021-0054	Nguyễn Hoàng Ngọc	10.000	1.338.220	
7	1202114621003932	TC2021-0053	Nguyễn Lê Na	770.000	2.038.220	
8	1202114621003949	TC2021-0070	Nguyễn Minh Triết	10.000	1.338.220	
9	1202114621003921	TC2021-0042	Nguyễn Ngọc Linh Anh	770.000		
10	1202114621003929	TC2021-0050	Phạm Hải Lâm	770.000	1.475.000	
11	1202114621003934	TC2021-0055	Trần Khánh Ngọc	10.000	1.338.220	
Lớp 7/2			Tổng cộng 21 học sinh	5.480.000	28.487.620	
1	1202114621003964	TC2021-0085	Cao Hoàng Minh Hằng	225.000	1.648.220	
2	1202114621003960	TC2021-0081	Kiều Ngọc Thùy Dương	225.000	1.648.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
3	1202114621003984	TC2021-0105	Lê Phạm Đan Thu	775.000	2.068.220	
4	1202114621003982	TC2021-0103	Lê Trần Hưng Thịnh	225.000	1.648.220	
5	1202114621003974	TC2021-0095	Lý Xuân Nguyên	775.000	2.068.220	
6	1202114621003978	TC2021-0099	Nguyễn Bùi Tiên San	775.000	2.068.220	
7	1202114621003931	TC2021-0052	Nguyễn Hoàng Long	225.000	1.648.220	
8	1202114621003977	TC2021-0098	Nguyễn Minh Quân		593.220	
9	1202114621003991	TC2021-0112	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	225.000	1.648.220	
10	1202114621003893	TC2021-0014	Nguyễn Quốc Huy		593.220	
11	1202114621003907	TC2021-0028	Nguyễn Thảo My	225.000	1.648.220	
12	1202114621003970	TC2021-0091	Nguyễn Thùy Linh		593.220	
13	1202114621003973	TC2021-0094	Nguyễn Trần Khánh Ngọc		593.220	
14	1202114621003913	TC2021-0034	Nguyễn Trọng Phúc		593.220	
15	1202114621003985	TC2021-0106	Phan Chí Toàn		593.220	
16	1202114621003987	TC2021-0108	Phan Duy Trọng	225.000	1.648.220	
17	1202114621003986	TC2021-0107	Trần Ngọc Bảo Trân	225.000	1.648.220	
18	1202114621003884	TC2021-0005	Võ Hoàng Thái Dương	565.000	1.648.220	
19	1202114621003886	TC2021-0007	Võ Hoàng Thiên Đăng	565.000	1.648.220	
20	1202114621003962	TC2021-0083	Vũ Khoa Điền		593.220	
21	1202114621003955	TC2021-0076	Vũ Ngọc Ánh	225.000	1.648.220	
Lớp 7/3			Tổng cộng 21 học sinh	180.000	25.304.400	
1	1202114621004038	TC2021-0159	Đặng Trọng Hưng	10.000	1.338.220	
2	1202114621004086	TC2021-0207	Đinh Nhật Minh		593.220	
3	1202114621004013	TC2021-0134	Đỗ Phạm Thiên Nhi	10.000	1.338.220	
4	1202114621004026	TC2021-0147	Hà Quang Tú	10.000	1.338.220	
5	1202114621004042	TC2021-0163	Lâm Hồ Kim Khánh	10.000	1.338.220	
6	1202114621004044	TC2021-0165	Lâm Hồ Kim Khuyên	10.000	1.338.220	
7	1202114621004024	TC2021-0145	Lê Thảo Tiên	10.000	1.338.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
8	1202114621004061	TC2021-0182	Mai Phan Hoàn Trang	10.000	1.338.220	
9	1202114621004019	TC2021-0140	Nguyễn Anh Quân		593.220	
10	1202114621004027	TC2021-0148	Nguyễn Anh Tuấn	10.000	1.338.220	
11	1202114621004028	TC2021-0149	Nguyễn Đình Quang Vinh	10.000	1.338.220	
12	1202114621003998	TC2021-0119	Nguyễn Hồng Phúc Hậu	10.000	1.338.220	
13	1202114621004011	TC2021-0132	Nguyễn Khánh Ngân	10.000	1.338.220	
14	1202114622004262	TC2021-0383	Nguyễn Nam Anh	10.000	1.338.220	
15	1202114621004029	TC2021-0150	Nguyễn Ngọc Hải Yến	10.000	1.338.220	
16	1202114621003997	TC2021-0118	Nguyễn Thu Hà	10.000	1.338.220	
17	1202114621004015	TC2021-0136	Nguyễn Trần Phát	10.000	1.338.220	
18	1202114621003999	TC2021-0120	Phạm Bùi Việt Hoàng	10.000	1.338.220	
19	1202114621004030	TC2021-0151	Trương Gia Bảo		593.220	
20	1202114621004018	TC2021-0139	Trương Gia Phúc	10.000	1.338.220	
21	1202114621004001	TC2021-0122	Võ Nhật Hưng	10.000	775.000	
Lớp 7/4			Tổng cộng 28 học sinh	200.000	31.510.160	
1	1202114621004170	TC2021-0291	Bùi Thanh Thùy		593.220	
2	1202114621004062	TC2021-0183	Dương Minh Trí		593.220	
3	1202114621004181	TC2021-0302	Đan Khánh Băng	10.000	1.338.220	
4	1202114621004094	TC2021-0215	Đỗ Hoàn Thiên Phước	10.000	1.338.220	
5	1202114621004077	TC2021-0198	Đỗ Hoàng	10.000	1.338.220	
6	1202114621004080	TC2021-0201	Hoàng Đăng Bảo Khang	10.000	1.338.220	
7	1202114621004087	TC2021-0208	Hoàng Nhật Minh		593.220	
8	1202114621004104	TC2021-0225	Huỳnh Khả Chân		593.220	
9	1202114621004008	TC2021-0129	Lê Hải Long		593.220	
10	1202114621004114	TC2021-0235	Lê Nam Khánh	10.000	1.338.220	
11	1202114621004145	TC2021-0266	Lê Vũ Minh Châu	10.000	1.338.220	
12	1202114621004091	TC2021-0212	Ngô Vĩnh Hoàng Nguyên	10.000	1.338.220	



	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
13	1202114621004158	TC2021-0279	Nguyễn Bảo Nam	10.000	1.338.220	
14	1202114621004090	TC2021-0211	Nguyễn Bảo Ngọc	10.000	1.338.220	
15	1202114621004036	TC2021-0157	Nguyễn Đức Hiếu		593.220	
16	1202114621004088	TC2021-0209	Nguyễn Khang Gia Minh	10.000	1.338.220	
17	1202114621004093	TC2021-0214	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	10.000	1.338.220	
18	1202114621004049	TC2021-0170	Phạm Hoàng Tuệ Nguyên	10.000	1.338.220	
19	1202114621004040	TC2021-0161	Phạm Minh Khang		593.220	
20	1202114621004089	TC2021-0210	Thái Quang Minh	10.000	1.338.220	
21	1202114621004020	TC2021-0141	Trần Duy Tân	10.000	1.338.220	
22	1202114621004217	TC2021-0338	Trần Hoàng Bảo Anh		593.220	
23	1202114621004252	TC2021-0373	Trịnh Anh Vũ	10.000	1.338.220	
24	1202114621004047	TC2021-0168	Trịnh Nguyễn Hồng Loan	10.000	1.338.220	
25	1202114621004194	TC2021-0315	Trương Võ Đăng Khoa	10.000	1.338.220	
26	1202114621004096	TC2021-0217	Vĩnh Quý Tài	10.000	1.338.220	
27	1202114621004098	TC2021-0219	Võ Hữu Trí	10.000	1.338.220	
28	1202114621004107	TC2021-0228	Võ Thành Đạt	10.000	1.338.220	
Lớp 7/5			Tổng cộng 26 học sinh	220.000	31.250.500	
1	1202114621004156	TC2021-0277	Bùi Quang Minh	10.000	775.000	
2	1202114621004033	TC2021-0154	Đào Ngọc Minh Châu	10.000	1.338.220	
3	1202114621004035	TC2021-0156	Đinh Trung Hiếu		593.220	
4	1202114621004063	TC2021-0184	Đỗ Minh Triết	10.000	1.338.220	
5	1202114621004053	TC2021-0174	Lê Hồ Minh Sơn	10.000	1.338.220	
6	1202114621004175	TC2021-0296	Lê Nguyễn Thanh Tuyền		593.220	
7	1202114621004066	TC2021-0187	Lê Thị Thanh Tuyền	10.000	1.338.220	
8	1202114621004106	TC2021-0227	Lương Ngọc Duyên	10.000	1.338.220	
9	1202114621004251	TC2021-0372	Mai Quốc Tuấn	10.000	1.338.220	
10	1202114621004064	TC2021-0185	Nguyễn Ánh Tú	10.000	1.338.220	



	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
	1202114621004009	TC2021-0130	Nguyễn Bảo Long	10.000	1.338.220	
12	1202114621004205	TC2021-0326	Nguyễn Hồng Phương		593.220	
13	1202114621004141	TC2021-0262	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	10.000	1.338.220	
14	1202114621004059	TC2021-0180	Nguyễn Sanh Thanh Toàn	10.000	1.338.220	
15	1202114621003995	TC2021-0116	Nguyễn Thùy Châu	10.000	1.338.220	
16	1202114621004095	TC2021-0216	Nguyễn Xuân Quyên		593.220	
17	1202114622004259	TC2021-0380	Phạm Hoàng Quỳnh Lam	10.000	1.338.220	
18	1202114621004010	TC2021-0131	Phạm Ngọc Nam	10.000	1.338.220	
19	1202114621004221	TC2021-0342	Phạm Thanh Đức	10.000	1.338.220	
20	1202114621004041	TC2021-0162	Phan Minh Duy Khang	10.000	1.338.220	
21	1202114621004054	TC2021-0175	Trần Hoàng Thịnh	10.000	1.338.220	
22	1202114621004220	TC2021-0341	Trần Ngọc Minh Châu	10.000	1.338.220	
23	1202114621004034	TC2021-0155	Trì Gia Hân	10.000	1.338.220	
24	1202114621004050	TC2021-0171	Võ Thanh Nguyên	10.000	1.338.220	
25	1202114621004078	TC2021-0199	Võ Trác Huy	10.000	1.338.220	
26	1202114621004115	TC2021-0236	Vũ Quang Khánh	10.000	1.338.220	
Lớp 7/6			Tổng cộng 21 học sinh	200.000	26.714.400	
1	1202114621004068	TC2021-0189	Bồ Thế Anh		593.220	
2	1202114621004108	TC2021-0229	Bùi Trần Bảo Hân	10.000	775.000	
3	1202114621004117	TC2021-0238	Đào Anh Khôi	10.000	1.338.220	
4	1202114621004136	TC2021-0257	Đặng Châu Minh Trí	10.000	1.338.220	
5	1202114621004082	TC2021-0203	Đoàn Lê Minh Khuê	10.000	1.338.220	
6	1202114621004076	TC2021-0197	Lê Hoàn	10.000	1.338.220	
7	1202114622004745	2023TCTB-0482	Lê Hoàng Nhật Linh	10.000	1.338.220	
8	1202114621004123	TC2021-0244	Lương Tống Khả Minh	10.000	1.338.220	
9	1202114621004056	TC2021-0177	Nguyễn Hoài Thư	10.000	1.338.220	
10	1202114621004134	TC2021-0255	Nguyễn Hữu Toàn	10.000	1.338.220	



	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
11	1202114621004113	TC2021-0234	Nguyễn Minh Khang	10.000	1.258.220	
12	1202114621004137	TC2021-0258	Nguyễn Minh Triết	10.000	1.338.220	
13	1202114621004122	TC2021-0243	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	10.000	1.338.220	
14	1202114621004111	TC2021-0232	Nguyễn Phúc Huy	10.000	1.338.220	
15	1202114621004084	TC2021-0205	Nguyễn Thăng Long	10.000	1.338.220	
16	1202114621004060	TC2021-0181	Nguyễn Vũ Đức Toàn	10.000	1.338.220	
17	1202114621004092	TC2021-0213	Phạm Hồ Đình Nguyên	10.000	1.338.220	
18	1202114621004074	TC2021-0195	Tổng Phạm Gia Hân	10.000	1.338.220	
19	1202114621004105	TC2021-0226	Trần Nghi Dung	10.000	1.338.220	
20	1202114621004120	TC2021-0241	Trần Ngọc Quế Lâm	10.000	1.338.220	
21	1202114621004119	TC2021-0240	Võ Trần Tuấn Kiệt	10.000	1.338.220	
Lớp 7/7			Tổng cộng 20 học sinh	80.000	17.324.400	
1	1202114621004163	TC2021-0284	Đặng Vũ Bảo Phúc		593.220	
2	1202114621004150	TC2021-0271	Huỳnh Khánh Hà		593.220	
3	1202114621004166	TC2021-0287	Lê Minh Quyền		593.220	
4	1202114621004099	TC2021-0220	Lê Thế Tuấn	10.000	1.338.220	
5	1202114622004747	2023TCTB-0484	Lương Kiến Tường		593.220	
6	1202114621004142	TC2021-0263	Nguyễn Ánh Vỹ Ân		593.220	
7	1202114621004177	TC2021-0298	Nguyễn Hồng Phương Vy	10.000	838.220	
8	1202114621004155	TC2021-0276	Nguyễn Khắc Luận		593.220	
9	1202114621004037	TC2021-0158	Nguyễn Minh Hiếu		593.220	
10	1202114621004167	TC2021-0288	Nguyễn Sỹ Sang		593.220	
11	1202114621004146	TC2021-0267	Phạm Hoàng Dũng	10.000	1.338.220	
12	1202114621004154	TC2021-0275	Phạm Trung Kiên		593.220	
13	1202114621004159	TC2021-0280	Tiêu Mỹ Nhân	10.000	1.338.220	
14	1202114621004110	TC2021-0231	Trần Bá Huy Hoàng		593.220	
15	1202114621004153	TC2021-0274	Trần Gia Khanh	10.000	1.338.220	



	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
16	1202114621004097	TC2021-0218	Trần Khánh Thịnh	10.000	1.338.220	
17	1202114621004069	TC2021-0190	Trần Quốc Anh	10.000	1.338.220	
18	1202114621004147	TC2021-0268	Trương Lê Duy		593.220	
19	1202114621004032	TC2021-0153	Trương Thiên Bảo		593.220	
20	1202114621004152	TC2021-0273	Văn Tiến Hưng	10.000	1.338.220	
Lớp 7/8			Tổng cộng 19 học sinh	160.000	23.191.180	
1	1202114621004187	TC2021-0308	Dương An Hoà	10.000	1.338.220	
2	1202114622004749	2023TCTB-0486	Dương Gia Hân	10.000	1.338.220	
3	1202114621004182	TC2021-0303	Đỗ Ngọc Quế Chi	10.000	1.338.220	
4	1202114621004198	TC2021 0319	Hà Phương Mi	10.000	1.338.220	
5	1202114622004744	2023TCTB-0481	Hồ Tấn Thiên	10.000	1.338.220	
6	1202114621004188	TC2021-0309	Huỳnh Nhật Hoàng	10.000	1.338.220	
7	1202114621004191	TC2021-0312	Kim Đông Kha	10.000	1.338.220	
8	1202114621004210	TC2021-0331	Lý Đậu Quốc Thịnh	10.000	1.338.220	
9	1202114621004195	TC2021-0316	Ngô Anh Khôi	10.000	1.338.220	
10	1202114621004199	TC2021-0320	Nguyễn Hoàng Minh		593.220	
11	1202114621004200	TC2021-0321	Nguyễn Hoàng Minh		593.220	
12	1202114621004185	TC2021-0306	Nguyễn Minh Hải Đăng	10.000	1.338.220	
13	1202114621004192	TC2021-0313	Nguyễn Trần Hoàng Khang	10.000	1.338.220	
14	1202114621004212	TC2021-0333	Phạm Quang Thuận	10.000	1.338.220	
15	1202114621004203	TC2021-0324	Trần Dương Thanh Ngọc	10.000	1.338.220	
16	1202114621004234	TC2021-0355	Trần Đỗ Phương Kỳ	10.000	1.338.220	
17	1202114621004202	TC2021-0323	Trần Ngọc Phương Nghi	10.000	1.338.220	
18	1202114621004186	TC2021-0307	Trần Vũ Thanh Hải	10.000	1.338.220	
19	1202114621004204	TC2021-0325	Vũ Hoàng Thùy Như		593.220	
Lớp 7/9			Tổng cộng 16 học sinh	80.000	14.536.520	
1	1202114621004247	TC2021-0368	Danh Thị Thùy Trang		593.220	



	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
2	1202114621004216	TC2021-0337	Đào Nguyễn Phương Anh		593.220	
3	1202114622004261	TC2021-0382	Đinh Tấn Phát		1.338.220	
4	1202114621004243	TC2021-0364	Đoàn Quốc Thịnh		593.220	
5	1202114621004055	TC2021-0176	Lê Anh Thư	10.000	1.338.220	
6	1202114621004070	TC2021-0191	Mai Hoàng Ân	10.000	1.338.220	
7	1202114621004051	TC2021-0172	Ngô Ngọc Thảo Nhi		593.220	
8	1202114621004242	TC2021-0363	Nguyễn An Thiên		593.220	
9	1202114621004233	TC2021-0354	Nguyễn Đức Khôi	10.000	758.220	
10	1202114621004241	TC2021-0362	Nguyễn Đức Thắng	10.000	1.338.220	
11	1202114621004228	TC2021-0349	Nguyễn Quốc Huy	10.000	838.220	
12	1202114621004246	TC2021-0367	Nguyễn Quyết Tiến	10.000	1.338.220	
13	1202114621004229	TC2021-0350	Phạm Thị Thiên Hương		593.220	
14	1202114621004218	TC2021-0339	Tôn Thất Hoàng Ân	10.000	1.338.220	
15	1202114621004235	TC2021-0356	Trần Đức Minh		593.220	
16	1202114621003935	TC2021-0056	Trần Nguyễn Khánh Ngọc	10.000	758.220	
Khôi 8			Tổng cộng 12 lớp	33.520.000	241.826.520	
Lớp 8/1			Tổng cộng 21 học sinh	6.800.000	23.246.180	
1	1202114620001818	2021TT00009	Bùi Nhật Duy	775.000	1.533.220	
2	1202114620002042	2021TT00233	Bùi Thế Đăng	225.000	1.148.220	
3	1202114621003869	2021TT02060	Dương Tuấn Thịnh	225.000	1.148.220	
4	1202114620001828	2021TT00019	Huỳnh Nguyễn Tấn Hưng	775.000	1.533.220	
5	1202114620001855	2021TT00046	Huỳnh Phương Việt	225.000	1.148.220	
6	1202114620001842	2021TT00033	La Nguyễn Khương Như	775.000	1.533.220	
7	1202114620001836	2021TT00027	Lê Bảo Minh	775.000	1.533.220	
8	1202114620001847	2021TT00038	Lê Minh Sơn		593.220	
9	1202114620001816	2021TT00007	Lưu Quỳnh Chi	225.000	1.148.220	
10	1202114620001983	2021TT00174	Nông Thị Triêm Ân	775.000	970.000	



	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
11	1202114620001830	2021TT00021	Ngô Đoàn Minh Khoa	225.000	1.148.220	
12	1202114620001813	2021TT00004	Nguyễn Bá Quốc Bảo	225.000	1.148.220	
13	1202114620001853	2021TT00044	Nguyễn Hoàng Đức Tuấn	225.000	1.148.220	
14	1202114620001820	2021TT00011	Nguyễn Hồ Hương Giang	225.000	1.148.220	
15	1202114620001848	2021TT00039	Nguyễn Hữu Tâm		593.220	
16	1202114620001850	2021TT00041	Nguyễn Minh Thắng	225.000	585.000	
17	1202114620001835	2021TT00026	Nguyễn Phan Ngọc Linh		593.220	
18	1202114620002057	2021TT00248	Nguyễn Thái Minh	225.000	1.148.220	
19	1202114620001839	2021TT00030	Phạm Hồng Ngọc	225.000	1.148.220	
20	1202114620001819	2021TT00010	Phạm Thị Xuân Đan	225.000	1.148.220	
21	1202114620001852	2021TT00043	Vũ Minh Thư	225.000	1.148.220	
Lớp 8/10			Tổng cộng 19 học sinh	180.000	14.554.740	
1	1202114620001895	2021TT00086	Đinh Công Trí	10.000	838.220	
2	1202114620001896	2021TT00087	Đinh Hoàng Tú	10.000	838.220	
3	1202114620001865	2021TT00056	Đinh Xuân Hoàng	10.000	275.000	
4	1202114620001862	2021TT00053	Đỗ Đức Cường	10.000	838.220	
5	1202114620001884	2021TT00075	Hồ Nguyễn	10.000	275.000	
6	1202114620002141	2021TT00334	Hồ Thiện Nhân	10.000	838.220	
7	1202114620001892	2021TT00083	Huỳnh Ngọc Thịnh	10.000	838.220	
8	1202114620001899	2021TT00090	Huỳnh Nguyễn Như Ý	10.000	838.220	
9	1202114620001879	2021TT00070	Lê Thảo Ngân	10.000	838.220	
10	1202114620002129	2021TT00322	Lư Gia Hân		593.220	
11	1202114620001885	2021TT00076	Nguyễn Bảo Nhi	10.000	838.220	
12	1202114620001877	2021TT00068	Nguyễn Cao Minh	10.000	838.220	
13	1202114620001870	2021TT00061	Nguyễn Huỳnh Đăng Khoa	10.000	838.220	
14	1202114620002230	2021TT00424	Nguyễn Khôi Nguyên	10.000	838.220	
15	1202114620001867	2021TT00058	Nguyễn Trần Gia Huy	10.000	838.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
16	1202114620001860	2021TT00051	Phan Tạ Hồng Ân	10.000	838.220	
17	1202114622004739	2023TCTB-0476	Võ Đăng Khôi	10.000	838.220	
18	1202114620001859	2021TT00050	Võ Mai Anh	10.000	838.220	
19	1202114620001866	2021TT00057	Vũ Huy Hoàng	10.000	838.220	
Lớp 8/11			Tổng cộng 17 học sinh	160.000	14.004.740	
1	1202114620001929	2021TT00120	Cao Đức Phát	10.000	838.220	
2	1202114620001942	2021TT00133	Đinh Ngọc Phương Vy	10.000	838.220	
3	1202114620001927	2021TT00118	Lâm Thanh Trúc Nguyễn	10.000	838.220	
4	1202114620001932	2021TT00123	Lê Hoàng Quân	10.000	838.220	
5	1202114620001921	2021TT00112	Mai Trần Lê Minh	10.000	838.220	
6	1202114620001908	2021TT00099	Ngô Huy Hoàng	10.000	838.220	
7	1202114620001940	2021TT00131	Nguyễn Gia Tú	10.000	838.220	
8	1202114620001914	2021TT00105	Nguyễn Hồ Anh Khôi	10.000	838.220	
9	1202114620001913	2021TT00104	Nguyễn Minh Khoa	10.000	838.220	
10	1202114620001907	2021TT00098	Phạm Huỳnh Trung Hải	10.000	838.220	
11	1202114620001939	2021TT00130	Phạm Phương Trang	10.000	838.220	
12	1202114620001911	2021TT00102	Phạm Trần Nhật Huy	10.000	838.220	
13	1202114620001943	2021TT00134	Quản Vũ Như Ý	10.000	838.220	
14	1202114620001935	2021TT00126	Trần Bảo Thái	10.000	838.220	
15	1202114620001919	2021TT00110	Trần Ngọc Yến Linh	10.000	838.220	
16	1202114620001912	2021TT00103	Trần Trọng Minh Khang	10.000	838.220	
17	1202114620001915	2021TT00106	Trương Nguyễn Anh Kiệt		593.220	
Lớp 8/12			Tổng cộng 30 học sinh	11.160.000	29.836.600	
1	1202114620001969	2021TT00160	Bùi Hoàng Khánh Ngọc	10.000	838.220	
2	1202114620001952	2021TT00143	Bùi Linh Đan	10.000	838.220	
3	1202114620001945	2021TT00136	Đông Minh Anh	350.000	838.220	
4	1202114620001955	2021TT00146	Huỳnh Ngọc Bảo Hân	10.000	838.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
5	1202114620001956	2021TT00147	Huỳnh Ngọc Gia Hân		593.220	
6	1202114620001965	2021TT00156	Huỳnh Ngọc Phương Mai	735.000	1.538.220	
7	1202114620001953	2021TT00144	Lê Đình Tiến Đức	735.000	1.538.220	
8	1202114620001970	2021TT00161	Lê Minh Ngọc	735.000	1.538.220	
9	1202114620001973	2021TT00164	Lê Minh Phương	10.000	838.220	
10	1202114620001976	2021TT00167	Lê Trần Minh Trí		593.220	
11	1202114620001958	2021TT00149	Lê Vũ Mai Khanh		593.220	
12	1202114620001948	2021TT00139	Lưu Đỗ Hoàng Bảo	350.000	838.220	
13	1202114621003875	2021TT02065	Ngô Quang Anh		593.220	
14	1202114620001944	2021TT00135	Ngô Ý An	10.000	838.220	
15	1202114620001959	2021TT00150	Nguyễn An Khánh	3.045.000	1.538.220	
16	1202114620001949	2021TT00140	Nguyễn Gia Bảo	350.000	838.220	
17	1202114620001977	2021TT00168	Nguyễn Hữu Kiến Văn	735.000	1.503.220	
18	1202114620001947	2021TT00138	Nguyễn Hữu Minh Anh	735.000	1.538.220	
19	1202114620001967	2021TT00158	Nguyễn Lê Tuấn Minh		593.220	
20	1202114620001950	2021TT00141	Nguyễn Minh Châu	735.000	1.538.220	
21	1202114620001954	2021TT00145	Nguyễn Ngọc Hà	735.000	838.220	
22	1202114620001978	2021TT00169	Nguyễn Ngọc Như Ý	10.000	838.220	
23	1202114620001968	2021TT00159	Nguyễn Phan Thụy Minh	350.000	838.220	
24	1202114620001971	2021TT00162	Nguyễn Sỹ Hoàng Phú	10.000	838.220	
25	1202114620001963	2021TT00154	Nguyễn Tùng Lâm	10.000	838.220	
26	1202114622004257	TC2021-0378	Nguyễn Thị Trà My	735.000	1.538.220	
27	1202114620001964	2021TT00155	Phạm Mỹ Linh	735.000	1.433.220	
28	1202114620001960	2021TT00151	Phùng Chí Kiên		593.220	
29	1202114620001972	2021TT00163	Trần Hồ Anh Phú	10.000	838.220	
30	1202114620001951	2021TT00142	Võ Khánh Nguyên Chi	10.000	838.220	
Lớp 8/2			Tổng cộng 27 học sinh	6.575.000	26.425.500	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
1	1202114620002015	2021TT00206	Bùi Huy Phát	775.000	1.568.220	
2	1202114620002020	2021TT00211	Bùi Trọng Minh Sơn		593.220	
3	1202114620002011	2021TT00202	Đặng Hồ Yến Ngọc	225.000	1.148.220	
4	1202114620001980	2021TT00171	Lại Minh Anh	775.000	1.568.220	
5	1202114620002004	2021TT00195	Lê Công Minh		593.220	
6	1202114620002013	2021TT00204	Lê Khôi Nguyên		593.220	
7	1202114620002012	2021TT00203	Lê Thanh Ngọc	225.000	1.148.220	
8	1202114620001982	2021TT00173	Nguyễn Đức Anh		593.220	
9	1202114620002000	2021TT00191	Nguyễn Gia Kiệt	775.000	1.568.220	
10	1202114620001984	2021TT00175	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	225.000	1.148.220	
11	1202114620002008	2021TT00199	Nguyễn Hoàng Kim Ngân	225.000	1.148.220	
12	1202114620001997	2021TT00188	Nguyễn Hoàng Minh Khôi		593.220	
13	1202114620001996	2021TT00187	Nguyễn Hữu Khoa	775.000	1.568.220	
14	1202114620002024	2021TT00215	Nguyễn Ngọc Anh Thư	225.000	1.148.220	
15	1202114620002018	2021TT00209	Nguyễn Quỳnh		593.220	
16	1202114620001998	2021TT00189	Nguyễn Trần Anh Khôi	225.000	1.148.220	
17	1202114620002001	2021TT00192	Ông Thị Thiên Kim	225.000	1.148.220	
18	1202114620002025	2021TT00216	Phạm Ngọc Bảo Thy		593.220	
19	1202114620002007	2021TT00198	Phạm Nhật Nam	225.000	1.148.220	
20	1202114620002026	2021TT00217	Phan Ngọc Thùy Trâm	225.000	1.148.220	
21	1202114620002005	2021TT00196	Trần Bình Minh		30.000	
22	1202114620001999	2021TT00190	Trần Minh Khôi	225.000	1.148.220	
23	1202114620001993	2021TT00184	Trần Vĩnh Hưng		593.220	
24	1202114620001995	2021TT00186	Võ Lê Khanh		593.220	
25	1202114620002003	2021TT00194	Võ Minh Long	225.000	585.000	
26	1202114621003879	2021TT02069	Vũ Anh Khôi	775.000	1.568.220	
27	1202114620002016	2021TT00207	Vũ Nguyễn Anh Quân	225.000	1.148.220	



	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
Lớp 8/3			Tổng cộng 36 học sinh	7.465.000	29.724.820	
1	1202114620002027	2021TT00218	Cao Nguyễn Văn Anh		593.220	
2	1202114620002052	2021TT00243	Dương Gia Linh	775.000	1.533.220	
3	1202114620002060	2021TT00251	Dương Hoa Ngọc	775.000	1.358.220	
4	1202114620001846	2021TT00037	Dương Tú Quỳnh		593.220	
5	1202114620002058	2021TT00249	Đào Bình Nam	225.000	585.000	
6	1202114620002050	2021TT00241	Đặng Nguyễn Đăng Khoa		593.220	
7	1202114620002044	2021TT00235	Đoàn Việt Tiến Hùng		593.220	
8	1202114620002037	2021TT00228	Đỗ Minh Duy		593.220	
9	1202114620002063	2021TT00254	Hà Duy Phúc	225.000	1.148.220	
10	1202114620002071	2021TT00262	Hoàng Hoài Trung	775.000	1.533.220	
11	1202114620001834	2021TT00025	Lê Hoàng Tuấn Kiệt		593.220	
12	1202114620002068	2021TT00259	Lê Hồng An Thuyên	225.000	1.148.220	
13	1202114620002040	2021TT00231	Lê Nguyễn Khánh Đan		593.220	
14	1202114620002029	2021TT00220	Lê Tuấn Anh		593.220	
15	1202114620002064	2021TT00255	Lương Trần Minh Quân		593.220	
16	1202114620002072	2021TT00263	Ngô Chơn Tuấn		593.220	
17	1202114620001815	2021TT00006	Nguyễn Chất		593.220	
18	1202114620002030	2021TT00221	Nguyễn Dư Phương Anh	565.000	1.148.220	
19	1202114620002051	2021TT00242	Nguyễn Đăng Khoa	775.000	1.533.220	
20	1202114620002036	2021TT00227	Nguyễn Khánh Doan		593.220	
21	1202114620002043	2021TT00234	Nguyễn Minh Đức		593.220	
22	1202114620002056	2021TT00247	Nguyễn Phan Tuấn Minh		593.220	
23	1202114620002062	2021TT00253	Nguyễn Phan Thế Phong	225.000	585.000	
24	1202114620001814	2021TT00005	Nguyễn Tiến Bình	225.000	585.000	
25	1202114620002059	2021TT00250	Nguyễn Thanh Đông Nghi	225.000	1.148.220	
26	1202114620002054	2021TT00245	Tạ Bảo Linh		593.220	



SET	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
27	1202114620002031	2021TT00222	Tạ Trần Nguyên Anh		593.220	
28	1202114620002038	2021TT00229	Trần Anh Duy	225.000	1.148.220	
29	1202114620002073	2021TT00264	Trần Đăng Tuấn	225.000	585.000	
30	1202114620002061	2021TT00252	Trần Lâm Như		593.220	
31	1202114620002069	2021TT00260	Trần Ngọc Anh Thư		593.220	
32	1202114620002032	2021TT00223	Trần Ngọc Phương Anh	225.000	1.148.220	
33	1202114620002055	2021TT00246	Trần Nguyễn Trúc Linh	775.000	970.000	
34	1202114620002065	2021TT00256	Trịnh Hiếu Quân	775.000	1.148.220	
35	1202114620002067	2021TT00258	Võ Nguyễn Trúc Quỳnh		593.220	
36	1202114620002049	2021TT00240	Vũ Nam Khánh	225.000	1.148.220	
Lớp 8/4			Tổng cộng 15 học sinh	140.000	11.490.080	
1	1202114620002106	2021TT00297	Đinh Hoàng Ngọc Thảo	10.000	838.220	
2	1202114621003876	2021TT02066	Lại Huỳnh Anh Tuấn	10.000	838.220	
3	1202114620002110	2021TT00301	Lê Minh Trí	10.000	838.220	
4	1202114620002081	2021TT00272	Nguyễn Đào Trung Dũng	10.000	838.220	
5	1202114620002087	2021TT00278	Nguyễn Đình Khôi	10.000	838.220	
6	1202114620002102	2021TT00293	Nguyễn Minh Phúc	10.000	838.220	
7	1202114620002079	2021TT00270	Nguyễn Ngọc Hồng Châu	10.000	838.220	
8	1202114620002105	2021TT00296	Nguyễn Ngọc Lan Thanh	10.000		
9	1202114620002108	2021TT00299	Nguyễn Thị Phương Thùy		593.220	
10	1202114620002088	2021TT00279	Phạm Tuấn Kiệt	10.000	838.220	
11	1202114620002084	2021TT00275	Thái Bá Anh Huy	10.000	838.220	
12	1202114620001869	2021TT00060	Thái Huy Khang	10.000	838.220	
13	1202114620002078	2021TT00269	Võ Nhân Bảo	10.000	838.220	
14	1202114620002096	2021TT00287	Vũ Đăng Nam	10.000	838.220	
15	1202114620002092	2021TT00283	Vũ Quang Minh	10.000	838.220	
Lớp 8/5			Tổng cộng 30 học sinh	290.000	24.841.600	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
1	1202114620002127	2021TT00320	Bùi Nguyễn Hồng Giang	10.000	838.220	
2	1202114620002137	2021TT00330	Dương Thị Trúc Linh	10.000	838.220	
3	1202114620002172	2021TT00366	Đặng Ngô Minh Huy	10.000	838.220	
4	1202114620002142	2021TT00335	Điền Hà Bảo Nhi	10.000	808.220	
5	1202114620002156	2021TT00350	Đoàn Đức Vinh	10.000	838.220	
6	1202114620003862	2021TT00336	Đoàn Ngọc An Nhiên	10.000	838.220	
7	1202114620002155	2021TT00349	Đỗ Phương Vi	10.000	838.220	
8	1202114620002120	2021TT00312	Đỗ Quốc Anh	10.000	838.220	
9	1202114620002153	2021TT00347	Hồ Sơn Tùng	10.000	838.220	
10	1202114620002149	2021TT00343	Huỳnh Nguyễn Bảo Trân	10.000	838.220	
11	1202114620002121	2021TT00314	Lê Vũ Đức Anh		593.220	
12	1202114620002157	2021TT00351	Lý Tường Vy	10.000	838.220	
13	1202114620002215	2021TT00409	Ngô Trọng Hiếu	10.000	838.220	
14	1202114620002148	2021TT00342	Nguyễn Hoàng Minh Thư	10.000	838.220	
15	1202114620002135	2021TT00328	Nguyễn Minh Khôi	10.000	838.220	
16	1202114620002139	2021TT00332	Nguyễn Ngọc Bảo Minh	10.000	838.220	
17	1202114620002122	2021TT00315	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	10.000	838.220	
18	1202114620002136	2021TT00329	Nguyễn Tuấn Kiệt	10.000	838.220	
19	1202114620002272	2021TT00466	Nguyễn Thành Nhân	10.000	838.220	
20	1202114620002284	2021TT00478	Nguyễn Thành Trung	10.000	838.220	
21	1202114620002123	2021TT00316	Nguyễn Võ Duy Anh	10.000	838.220	
22	1202114620002146	2021TT00340	Nguyễn Vũ Long Thăng	10.000	838.220	
23	1202114620002134	2021TT00327	Phạm Anh Khoa	10.000	838.220	
24	1202114620002150	2021TT00344	Phạm Minh Triết	10.000	808.220	
25	1202114620001923	2021TT00114	Phạm Ngọc Bảo Nghi	10.000	838.220	
26	1202114620002237	2021TT00431	Phạm Thanh Thảo	10.000	838.220	
27	1202114620002132	2021TT00325	Phạm Văn Khanh	10.000	838.220	



	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
28	1202114620002140	2021TT00333	Trần Bảo Minh	10.000	838.220	
29	1202114620001924	2021TT00115	Văn Bảo Nghi	10.000	838.220	
30	1202114620002144	2021TT00338	Vũ Hoàng Nam Phương	10.000	838.220	
Lớp 8/6			Tổng cộng 23 học sinh	170.000	17.809.060	
1	1202114620002202	2021TT00396	Bùi Khánh Vân	10.000	838.220	
2	1202114620002161	2021TT00355	Dương Ngọc Anh	10.000	838.220	
3	1202114620002195	2021TT00389	Đào Ngọc Trang Thanh	10.000	838.220	
4	1202114620002168	2021TT00362	Đoàn Nguyễn Bảo Hân		593.220	
5	1202114620002189	2021TT00383	Lê Nguyễn Gia Phát	10.000	838.220	
6	1202114620002179	2021TT00373	Lê Trần Khánh Linh	10.000	838.220	
7	1202114620002170	2021TT00364	Nguyễn Duy Hoàng	10.000	838.220	
8	1202114620002191	2021TT00385	Nguyễn Khánh Phương	10.000	838.220	
9	1202114620002177	2021TT00371	Nguyễn Phạm Anh Khôi	10.000	838.220	
10	1202114620002193	2021TT00387	Nguyễn Tấn Thành Tài		593.220	
11	1202114620002176	2021TT00370	Nguyễn Tất Đăng Khoa	10.000	838.220	
12	1202114620002165	2021TT00359	Nguyễn Tiến Danh	10.000	838.220	
13	1202114620002182	2021TT00376	Phạm Hoàng Minh	10.000	838.220	
14	1202114620002166	2021TT00360	Phạm Khánh Duy	10.000	838.220	
15	1202114620002197	2021TT00391	Phạm Nguyễn Minh Thông		593.220	
16	1202114620002192	2021TT00386	Trần Đại Minh Quân		593.220	
17	1202114620002164	2021TT00358	Trần Gia Bình		593.220	
18	1202114620002184	2021TT00378	Trần Kim Bảo Nghi	10.000	838.220	
19	1202114620002183	2021TT00377	Trần Nhật My	10.000	838.220	
20	1202114620002196	2021TT00390	Trương Ngọc Phương Thảo	10.000	838.220	
21	1202114620002174	2021TT00368	Võ Hoàng Huy		593.220	
22	1202114620002175	2021TT00369	Võ Huỳnh Tuấn Khang	10.000	838.220	
23	1202114620002204	2021TT00398	Võ Ngọc Như Ý	10.000	838.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
Lớp 8/7			Tổng cộng 20 học sinh	190.000	15.956.180	
1	1202114620002225	2021TT00419	Bùi Tô Minh Long	10.000	838.220	
2	1202114620002243	2021TT00437	Bùi Trần Minh Triều	10.000	838.220	
3	1202114620002218	2021TT00412	Cao Tuấn Hưng	10.000	838.220	
4	1202114620002238	2021TT00432	Đỗ Hữu Minh Thiên	10.000	838.220	
5	1202114620002235	2021TT00429	Hoàng Minh Quốc	10.000	838.220	
6	1202114620002213	2021TT00407	Huỳnh Khánh Hân		593.220	
7	1202114620002207	2021TT00401	Lâm Võ Lan Anh	10.000	275.000	
8	1202114620002214	2021TT00408	Lê Minh Hiếu	10.000	838.220	
9	1202114620002210	2021TT00404	Nguyễn Anh Tâm Đức	10.000	838.220	
10	1202114620002211	2021TT00405	Nguyễn Hương Giang	10.000	838.220	
11	1202114622004742	2023TCTB-0479	Nguyễn Hữu Gia Phúc	10.000	838.220	
12	1202114620002226	2021TT00420	Nguyễn Quỳnh Mai	10.000	838.220	
13	1202114620002223	2021TT00417	Nguyễn Tạ Bảo Kỳ	10.000	838.220	
14	1202114620002242	2021TT00436	Nguyễn Xuân Trí	10.000	838.220	
15	1202114620002316	2021TT00510	Phùng Trung Nguyên	10.000	838.220	
16	1202114620002100	2021TT00291	Tô Minh Ngọc	10.000	838.220	
17	1202114620002220	2021TT00414	Trần Kinh Kha	10.000	838.220	
18	1202114620002222	2021TT00416	Võ Đăng Khoa	10.000	838.220	
19	1202114620002227	2021TT00421	Võ Tấn Minh	10.000	838.220	
20	1202114620002208	2021TT00402	Vương Trần Ngọc Ánh	10.000	838.220	
Lớp 8/8			Tổng cộng 13 học sinh	120.000	10.651.860	
1	1202114620002264	2021TT00458	Chu Gia Lạc	10.000	838.220	
2	1202114620002263	2021TT00457	Đỗ Dương Duy Khương	10.000	838.220	
3	1202114620002285	2021TT00479	Đỗ Nguyễn Minh Trục	10.000	838.220	
4	1202114620002289	2021TT00483	Lê Hoàng Yên	10.000	838.220	
5	1202114620002086	2021TT00277	Lê Quang Đăng Khôi	10.000	838.220	



SET	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
6	1202114620002255	2021TT00449	Lương Gia Hân	10.000	838.220	
7	1202114620002276	2021TT00470	Lý Chấn Phong	10.000	838.220	
8	1202114621003873	2021TT02063	Nguyễn Công Vinh	10.000	838.220	
9	1202114620002251	2021TT00445	Nguyễn Lê Gia Bảo		593.220	
10	1202114620002114	2021TT00306	Nguyễn Ngọc Tường Vy	10.000	838.220	
11	1202114620002288	2021TT00482	Phan Thanh Tường Vy	10.000	838.220	
12	1202114620002270	2021TT00464	Trần Nguyễn Quốc Nam	10.000	838.220	
13	1202114620002273	2021TT00467	Trần Thiện Nhân	10.000	838.220	
Lớp 8/9			Tổng cộng 30 học sinh	270.000	23.285.160	
1	1202114620002295	2021TT00489	Dương Minh Chi	10.000	838.220	
2	1202114620002314	2021TT00508	Đào Thái Ngọc	10.000	838.220	
3	1202114620002315	2021TT00509	Đặng Hoàng Nguyên	10.000	838.220	
4	1202114620002324	2021TT00518	Đồng Trọng Thiện	10.000	838.220	
5	1202114621003870	2021TT02061	Hạ Duy Hoàn	10.000	838.220	
6	1202114620002306	2021TT00500	Lê Đăng Khôi	10.000	838.220	
7	1202114620002308	2021TT00502	Lê Nữ Yên Lam	10.000	838.220	
8	1202114622004741	2023TCTB-0478	Lê Ngân Giang	10.000	838.220	
9	1202114620002321	2021TT00515	Lê Thị Mỹ Tâm	10.000	838.220	
10	1202114620002291	2021TT00485	Ngô Hoàng Anh		593.220	
11	1202114620002307	2021TT00501	Nguyễn Bá Kiên	10.000	838.220	
12	1202114620002305	2021TT00499	Nguyễn Bình Khiêm	10.000	838.220	
13	1202114620002304	2021TT00498	Nguyễn H Nam Khang	10.000	838.220	
14	1202114620002330	2021TT00524	Nguyễn Hà Vũ	10.000	838.220	
15	1202114620002201	2021TT00395	Nguyễn Hoàng Cẩm Tú	10.000	275.000	
16	1202114620002332	2021TT00526	Nguyễn Hoàng Yến	10.000	838.220	
17	1202114620002312	2021TT00506	Nguyễn Lưu Hải My	10.000	838.220	
18	1202114620002319	2021TT00513	Nguyễn Ngọc Thanh Phương	10.000	838.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
19	1202114620002296	2021TT00490	Phạm Minh Dũng	10.000	838.220	
20	1202114620002303	2021TT00497	Phạm Nguyễn Quỳnh Hương	10.000	838.220	
21	1202114620002294	2021TT00488	Phạm Quốc Bảo		593.220	
22	1202114620002292	2021TT00486	Phạm Quỳnh Anh	10.000	838.220	
23	1202114620002322	2021TT00516	Phùng Quang Thanh	10.000	838.220	
24	1202114620001920	2021TT00111	Trần Khánh Ly	10.000	838.220	
25	1202114620002300	2021TT00494	Trần Thái Hòa	10.000	838.220	
26	1202114620002318	2021TT00512	Trần Thị Cẩm Nhung	10.000	838.220	
27	1202114620002301	2021TT00495	Trần Việt Hoàng	10.000	838.220	
28	1202114620002320	2021TT00514	Văn Phú Quý		593.220	
29	1202114620002313	2021TT00507	Vũ Ngọc Nam	10.000	275.000	
30	1202114620002290	2021TT00484	Vũ Trần An An	10.000	838.220	
Khối 9			Tổng cộng 12 lớp	23.225.000	195.062.380	
Lớp 9/1			Tổng cộng 27 học sinh	7.825.000	26.305.840	
1	1202114620002342	2021TT00536	Cao Nguyễn Việt Hà	225.000	505.000	
2	1202114620002374	2021TT00568	Dương Gia Bảo Tùng	225.000	1.068.220	
3	1202114620002365	2021TT00559	Dương Tú Quyên	775.000	1.488.220	
4	1202114620002345	2021TT00539	Huỳnh Minh Khánh	225.000	1.068.220	
5	1202114620002368	2021TT00562	Huỳnh Phú Thành	225.000	1.068.220	
6	1202114620002333	2021TT00527	Hứa Vân An	225.000	1.038.220	
7	1202114620002349	2021TT00543	Lâm Hồ Kim Khuê	225.000	1.068.220	
8	1202114620002369	2021TT00563	Lê Bảo Thy	775.000	925.000	
9	1202114620002344	2021TT00538	Lê Quang Huy	225.000	1.068.220	
10	1202114620002363	2021TT00557	Lương Hoàng Phú	225.000	1.068.220	
11	1202114620002360	2021TT00554	Nguyễn Minh Thảo Nguyên	225.000	1.068.220	
12	1202114620002378	2021TT00572	Nguyễn Phương Vy	225.000	1.068.220	
13	1202114620002335	2021TT00529	Nguyễn Quỳnh Anh	225.000	1.068.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
14	1202114620002372	2021TT00566	Nguyễn Sanh Thanh Tú	225.000	1.068.220	
15	1202114620002338	2021TT00532	Nguyễn Tuyết Minh Châu	775.000	1.488.220	
16	1202114620002376	2021TT00570	Nguyễn Tường Vân	225.000	1.068.220	
17	1202114620002353	2021TT00547	Phạm Quang Minh	775.000	1.068.220	
18	1202114620002343	2021TT00537	Phạm Trung Hải	225.000	505.000	
19	1202114620002341	2021TT00535	Phan Minh Đạt		593.220	
20	1202114620002334	2021TT00528	Phan Ngọc Khánh An	225.000	1.068.220	
21	1202114620002350	2021TT00544	Phan Nguyễn Minh Khuê	225.000	505.000	
22	1202114620002355	2021TT00549	Thân Huỳnh Thảo My	225.000	505.000	
23	1202114620002339	2021TT00533	Trần Cao Thành Danh	225.000	1.068.220	
24	1202114620002359	2021TT00553	Trần Mai Thanh Ngọc		593.220	
25	1202114620002357	2021TT00551	Trần Ngọc Bảo Nghi	225.000	1.068.220	
26	1202114620002358	2021TT00552	Trần Phương Nghi	225.000	1.068.220	
27	1202114620002347	2021TT00541	Trương Ngọc Khánh	225.000	1.068.220	
Lớp 9/10			Tổng cộng 17 học sinh	170.000	12.326.520	
1	1202114620002405	2021TT00599	Cao Nguyễn Khánh Nam	10.000	758.220	
2	1202114620002420	2021TT00614	Đinh Thiên Trường	10.000	758.220	
3	1202114620002411	2021TT00605	Hà Anh Quân	10.000	758.220	
4	1202114622004743	2023TCB-0480	Lâm Phan Bảo Ngọc	10.000	758.220	
5	1202114620002418	2021TT00612	Lý Trung Tính	10.000	758.220	
6	1202114620002402	2021TT00596	Ngô Đắc Lộc	10.000	758.220	
7	1202114620002401	2021TT00595	Nguyễn Đức Long	10.000	758.220	
8	1202114620002386	2021TT00580	Nguyễn Lê Thành Đạt	10.000	758.220	
9	1202114620002404	2021TT00598	Nguyễn Quỳnh Mai	10.000	758.220	
10	1202114620002424	2021TT00618	Nguyễn Tất Hoàng Việt	10.000	758.220	
11	1202114620002412	2021TT00606	Nguyễn Trần Quốc Thái	10.000	758.220	
12	1202114620002416	2021TT00610	Phan Tây Thy	10.000	758.220	



SET	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
13	1202114620002417	2021TT00611	Trần Bảo Thy	10.000	758.220	
14	1202114620002701	2021TT00897	Trần Huy Hoàng	10.000	195.000	
15	1202114620002792	2021TT00988	Trần Khánh Hưng	10.000	758.220	
16	1202114620002387	2021TT00581	Trần Ngọc Minh Đạt	10.000	758.220	
17	1202114620002408	2021TT00602	Trần Tổng Thảo Nhi	10.000	758.220	
Lớp 9/11			Tổng cộng 22 học sinh	3.500.000	17.157.620	
1	1202114620002451	2021TT00645	Dương Minh Quý	770.000		
2	1202114620002458	2021TT00652	Đỗ Nguyễn Thiên Trang	10.000	758.220	
3	1202114620002438	2021TT00632	Lê Hà Hoàng Long	10.000	758.220	
4	1202114620002432	2021TT00626	Lê Trần Bảo Khang	350.000	758.220	
5	1202114620002428	2021TT00622	Lộc Mỹ Duyên	10.000	758.220	
6	1202114620002439	2021TT00633	Mai Hoàng Minh	10.000	758.220	
7	1202114620002436	2021TT00630	Nguyễn Đăng Khôi	10.000	758.220	
8	1202114620002446	2021TT00640	Nguyễn Đặng Yên Nhi	10.000	758.220	
9	1202114620002457	2021TT00651	Nguyễn Đức Tín	10.000	758.220	
10	1202114620002442	2021TT00636	Nguyễn Minh Nguyên	10.000	758.220	
11	1202114620002445	2021TT00639	Nguyễn Minh Nhật		593.220	
12	1202114620002434	2021TT00628	Nguyễn Ngọc Phương Khanh	10.000	758.220	
13	1202114620002459	2021TT00653	Nguyễn Ngọc Tùng		758.220	
14	1202114620002430	2021TT00624	Nguyễn Ngọc Thu Hương	770.000	1.458.220	
15	1202114620002453	2021TT00647	Nguyễn Quốc Thịnh	10.000	758.220	
16	1202114620002429	2021TT00623	Phạm Hữu Hào	10.000	758.220	
17	1202114620002437	2021TT00631	Phan Phương Linh	10.000	758.220	
18	1202114620002431	2021TT00625	Trần Dương Khải	770.000	1.458.220	
19	1202114620002456	2021TT00650	Trịnh Nguyễn Minh Thư	10.000	758.220	
20	1202114620002452	2021TT00646	Võ Nhất Thiên	10.000	758.220	
21	1202114620002454	2021TT00648	Vũ Phạm Đức Thịnh	350.000	758.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
22	1202114620002444	2021TT00638	Vũ Trọng Nhân	350.000	758.220	
Lớp 9/12			Tổng cộng 19 học sinh	180.000	14.241.180	
1	1202114620002631	2021TT00827	Bùi Trần Bảo Trân	10.000	758.220	
2	1202114620002585	2021TT00781	Cao Đức Thắng	10.000	758.220	
3	1202114620002725	2021TT00921	Đào Đức Thành	10.000	758.220	
4	1202114620002635	2021TT00831	Đoàn Lê Thảo Vy	10.000	758.220	
5	1202114620002616	2021TT00812	Lương Diệu Linh	10.000	758.220	
6	1202114620002550	2021TT00746	Nguyễn Hoàng Thiên Bảo	10.000	758.220	
7	1202114620002714	2021TT00910	Nguyễn Hồ Huỳnh Mai	10.000	758.220	
8	1202114620002599	2021TT00795	Nguyễn Hữu Bình	10.000	758.220	
9	1202114621003877	2021TT02067	Nguyễn Ngọc Khánh Nhi	10.000	758.220	
10	1202114620002627	2021TT00823	Nguyễn Trần Thanh Thiện	10.000	758.220	
11	1202114620002815	2021TT01011	Nguyễn Trung Hoàng Phúc	10.000	758.220	
12	1202114620002614	2021TT00810	Nguyễn Võ Hoàng Kim	10.000	758.220	
13	1202114620002630	2021TT00826	Phạm Hoàng Bảo Trang	10.000	758.220	
14	1202114620002556	2021TT00752	Phạm Minh Đăng	10.000	758.220	
15	1202114620002605	2021TT00801	Phạm Ngọc Bảo Hân		593.220	
16	1202114620002621	2021TT00817	Phan Huy Minh Ngọc	10.000	758.220	
17	1202114620002735	2021TT00931	Trần Gia Bảo	10.000	758.220	
18	1202114620002624	2021TT00820	Vũ An Phú	10.000	758.220	
19	1202114620002620	2021TT00816	Vũ Ngọc Giáng My	10.000	758.220	
Lớp 9/2			Tổng cộng 23 học sinh	3.600.000	20.087.620	
1	1202114620002497	2021TT00692	Đỗ Vinh Quốc		593.220	
2	1202114620002494	2021TT00689	Hà Gia Phúc	225.000	1.068.220	
3	1202114620002467	2021TT00661	Hoàng Anh Dũng		30.000	
4	1202114620002487	2021TT00681	Huỳnh Phương Nam	225.000	1.068.220	
5	1202114620002478	2021TT00672	Khúc Phương Linh	225.000	1.068.220	



	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
6	1202114620002481	2021TT00675	Lê Chấn Long		593.220	
7	1202114620002482	2021TT00676	Lư Nhựt Long	225.000	1.068.220	
8	1202114620002489	2021TT00683	Nguyễn Đình Nghĩa	225.000	1.068.220	
9	1202114620002465	2021TT00659	Nguyễn Gia Bảo		593.220	
10	1202114620002469	2021TT00663	Nguyễn Gia Hân	225.000	1.068.220	
11	1202114620002488	2021TT00682	Nguyễn Hoàng Uyên Nghi		593.220	
12	1202114620002479	2021TT00673	Nguyễn Khánh Linh	225.000	1.068.220	
13	1202114620002474	2021TT00668	Nguyễn Lê Bảo Kha	225.000	1.068.220	
14	1202114620002468	2021TT00662	Nguyễn Minh Đăng	225.000	1.068.220	
15	1202114620002499	2021TT00695	Nguyễn Ngọc Thanh Thu		593.220	
16	1202114620002472	2021TT00666	Nguyễn Trần Đức Huy		593.220	
17	1202114620002464	2021TT00658	Nguyễn Trọng Bách	225.000	1.068.220	
18	1202114620002461	2021TT00655	Nguyễn Vân Anh	225.000	505.000	
19	1202114620002493	2021TT00688	Phạm Gia Phú	225.000	1.068.220	
20	1202114620002503	2021TT00699	Phạm Gia Vy	225.000	1.068.220	
21	1202114620002462	2021TT00656	Phan Hoàng Anh	225.000	1.068.220	
22	1202114620002485	2021TT00679	Trần Thị Ngọc Mẫn	225.000	1.038.220	
23	1202114620002496	2021TT00691	Trịnh Võ Anh Quân	225.000	1.068.220	
Lớp 9/3			Tổng cộng 27 học sinh	7.050.000	26.987.280	
1	1202114620002509	2021TT00705	Doãn Quỳnh Chi		593.220	
2	1202114620002513	2021TT00709	Đào Trần Mỹ Duyên	225.000	1.068.220	
3	1202114620002541	2021TT00737	Hoàng Minh Thắng	225.000	1.068.220	
4	1202114620002542	2021TT00738	Huỳnh Gia Thịnh	225.000	1.068.220	
5	1202114620002519	2021TT00715	Huỳnh Hoàng Gia Huy	225.000	1.068.220	
6	1202114620002523	2021TT00719	Huỳnh Khánh Lam	225.000	1.068.220	
7	1202114620002530	2021TT00726	Huỳnh Nhật Nam	225.000	1.068.220	
8	1202114620002537	2021TT00733	Lê Chiêu Quân	225.000	1.068.220	



SPT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
9	1202114620002512	2021TT00708	Ngô Mạnh Duy	225.000	1.068.220	
10	1202114620002540	2021TT00736	Nguyễn Hoàng Tú Quyên		593.220	
11	1202114620002526	2021TT00722	Nguyễn Hùng Minh	225.000	1.068.220	
12	1202114620002514	2021TT00710	Nguyễn Linh Đan	225.000	1.068.220	
13	1202114620002517	2021TT00713	Nguyễn Minh Hiếu	225.000	1.068.220	
14	1202114620002544	2021TT00740	Nguyễn Minh Trí	225.000	1.068.220	
15	1202114620002516	2021TT00712	Nguyễn Ngọc Hương Giang	225.000	1.068.220	
16	1202114620002506	2021TT00702	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	225.000	1.068.220	
17	1202114620002507	2021TT00703	Nguyễn Quế Anh	225.000	505.000	
18	1202114620002504	2021TT00700	Nguyễn Thành An	775.000	1.488.220	
19	1202114620002543	2021TT00739	Nguyễn Thanh Trà	225.000	1.068.220	
20	1202114620002529	2021TT00725	Nguyễn Thảo My		593.220	
21	1202114620002525	2021TT00721	Trần Đặng Kiên Long	225.000	1.068.220	
22	1202114620002532	2021TT00728	Trần Huỳnh Khôi Nguyên	775.000	1.488.220	
23	1202114620002518	2021TT00714	Trần Minh Hòa	225.000	505.000	
24	1202114620002524	2021TT00720	Trần Thùy Linh	225.000	505.000	
25	1202114620002352	2021TT00546	Vũ Hoàng Linh	775.000	1.488.220	
26	1202114620002533	2021TT00729	Vũ Ngọc Phúc	225.000	1.068.220	
27	1202114620002515	2021TT00711	Vũ Tiến Đạt	225.000	1.068.220	
Lớp 9/4			Tổng cộng 22 học sinh	100.000	14.302.620	
1	1202114620002622	2021TT00818	Đoàn Nguyễn Xuân Nhân		593.220	
2	1202114620002586	2021TT00782	Đỗ Thế Thịnh		593.220	
3	1202114620002552	2021TT00748	Huỳnh Ngọc Nguyệt Cát	10.000	758.220	
4	1202114620002812	2021TT01008	Huỳnh Ngọc Yên Nhi	10.000	758.220	
5	1202114622004263	TC2021-0384	Lê Thanh Gia Phúc	10.000	195.000	
6	1202114620002561	2021TT00757	Lê Trần Gia Huy		593.220	
7	1202114620002547	2021TT00743	Nguyễn Hữu Huy An		593.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
8	1202114620002455	2021TT00649	Nguyễn Mai Minh Thư		593.220	
9	1202114620002574	2021TT00770	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên		593.220	
10	1202114620002581	2021TT00777	Phạm Minh Quân	10.000	758.220	
11	1202114621003868	2021TT02059	Phạm Quỳnh Anh		758.220	
12	1202114620002558	2021TT00754	Phan Lê Thanh Hải	10.000	758.220	
13	1202114620002573	2021TT00769	Phan Trương Bách Ngọc		593.220	
14	1202114620002575	2021TT00771	Tạ Phúc Nguyên		593.220	
15	1202114620002577	2021TT00773	Tạ Thị Tuyết Nhi		593.220	
16	1202114620002570	2021TT00766	Thân Đức Mẫn		593.220	
17	1202114620002565	2021TT00761	Trần Đăng Khôi	10.000	758.220	
18	1202114620002562	2021TT00758	Trần Gia Huy	10.000	758.220	
19	1202114620002553	2021TT00749	Trần Minh Bảo Châu		593.220	
20	1202114620002557	2021TT00753	Trần Minh Đức	10.000	758.220	
21	1202114620002568	2021TT00764	Trương Thiên Long	10.000	758.220	
22	1202114620002642	2021TT00838	Võ Thái Quỳnh Anh	10.000	758.220	
Lớp 9/5			Tổng cộng 18 học sinh	170.000	13.482.960	
1	1202114620002676	2021TT00872	Bùi Đỗ Anh Thư	10.000	758.220	
2	1202114621004256	TC2021-0377	Bùi Vũ Đăng Khoa		593.220	
3	1202114620002727	2021TT00923	Đinh Nguyễn Lam Thy	10.000	758.220	
4	1202114620002563	2021TT00759	Lý Minh Khang	10.000	758.220	
5	1202114620002636	2021TT00832	Nguyễn Hà Vy	10.000	758.220	
6	1202114620002657	2021TT00853	Nguyễn Hoàng Ngọc Linh	10.000	758.220	
7	1202114620002584	2021TT00780	Nguyễn Nguyên Thảo	10.000	758.220	
8	1202114620002744	2021TT00940	Nguyễn Nhật Huy	10.000	758.220	
9	1202114620002611	2021TT00807	Nguyễn Tuấn Khôi	10.000	758.220	
10	1202114620002663	2021TT00859	Nguyễn Tuấn Ngọc	10.000	758.220	
11	1202114620002604	2021TT00800	Nguyễn Trung Dũng	10.000	758.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
12	1202114620002564	2021TT00760	Nguyễn Võ Duy Khang	10.000	758.220	
13	1202114620002609	2021TT00805	Phạm Nguyễn Lan Khanh	10.000	758.220	
14	1202114620002703	2021TT00899	Thái Trần Gia Huy	10.000	758.220	
15	1202114620002406	2021TT00600	Trần Bảo Ngân	10.000	758.220	
16	1202114620002613	2021TT00809	Võ Đại Gia Kiên	10.000	758.220	
17	1202114620002600	2021TT00796	Võ Kim Hoàn Châu	10.000	758.220	
18	1202114620002634	2021TT00830	Võ Nguyễn An Viên	10.000	758.220	
Lớp 9/6			Tổng cộng 14 học sinh	130.000	9.886.860	
1	1202114620002783	2021TT00979	Đỗ Ngọc Duy	10.000	758.220	
2	1202114620002667	2021TT00863	Nguyễn Đức Hồng Phúc	10.000	195.000	
3	1202114620002670	2021TT00866	Nguyễn Đức Quyền	10.000	758.220	
4	1202114620002680	2021TT00876	Nguyễn Hoàng Việt	10.000	758.220	
5	1202114620002653	2021TT00849	Nguyễn Lê Duy Khang	10.000	758.220	
6	1202114620002684	2021TT00880	Nguyễn Ngọc Thanh Xuân	10.000	758.220	
7	1202114620002644	2021TT00840	Nguyễn Tấn Duy	10.000	758.220	
8	1202114620002665	2021TT00861	Nguyễn Thảo Nguyên	10.000	758.220	
9	1202114620002666	2021TT00862	Nguyễn Triệu Phú	10.000	758.220	
10	1202114620002640	2021TT00836	Phạm Hoàng Anh	10.000	758.220	
11	1202114620002671	2021TT00867	Phạm Tấn Sang	10.000	758.220	
12	1202114620002677	2021TT00873	Trần Nguyễn Hữu Trí	10.000	758.220	
13	1202114620002661	2021TT00857	Trương Hà Mi		593.220	
14	1202114620002647	2021TT00843	Vũ Hoàng Hải	10.000	758.220	
Lớp 9/7			Tổng cộng 19 học sinh	180.000	13.677.960	
1	1202114620002718	2021TT00914	Chu Quế Ngọc	10.000	758.220	
2	1202114620002724	2021TT00920	Đinh Phạm Phú Quý	10.000	758.220	
3	1202114620002722	2021TT00918	Đỗ Thiện Nhân		593.220	
4	1202114620002731	2021TT00927	Lê Hoàng Việt	10.000	758.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
5	1202114620002808	2021TT01004	Lê Uyên Nghi	10.000	758.220	
6	1202114620002686	2021TT00882	Nguyễn Dư Đông A	10.000	758.220	
7	1202114620002705	2021TT00901	Nguyễn Đoàn Gia Hưng	10.000	195.000	
8	1202114620002715	2021TT00911	Nguyễn Ngọc Thu Minh	10.000	758.220	
9	1202114620002721	2021TT00917	Nguyễn Phú Nguyễn	10.000	758.220	
10	1202114620002712	2021TT00908	Nguyễn Quang Lễ	10.000	758.220	
11	1202114620002784	2021TT00980	Nguyễn Trần Khang Duy	10.000	758.220	
12	1202114620002789	2021TT00985	Phạm Hùng Đức	10.000	758.220	
13	1202114620002693	2021TT00889	Phạm Trần Linh Chi	10.000	758.220	
14	1202114620002694	2021TT00890	Phan Duy Cường	10.000	758.220	
15	1202114620002723	2021TT00919	Phan Hồng Phúc	10.000	758.220	
16	1202114620002774	2021TT00970	Trần Bảo Thành	10.000	758.220	
17	1202114620002704	2021TT00900	Trần Minh Khang Huy	10.000	758.220	
18	1202114620002710	2021TT00906	Trương Minh Khánh	10.000	758.220	
19	1202114620002396	2021TT00590	Vũ Mai Lan	10.000	758.220	
Lớp 9/8			Tổng cộng 20 học sinh	160.000	13.941.180	
1	1202114620002682	2021TT00878	Dương Quang Vũ	10.000	758.220	
2	1202114620002392	2021TT00586	Huỳnh Nguyễn Duy Khang	10.000	758.220	
3	1202114620002737	2021TT00933	Lê Thanh Thành Danh		593.220	
4	1202114620002766	2021TT00962	Lê Trần Ngọc Phương	10.000	758.220	
5	1202114620002768	2021TT00964	Nguyễn Châu Như Quỳnh	10.000	758.220	
6	1202114620002764	2021TT00960	Nguyễn Dương Phong	10.000	758.220	
7	1202114620002390	2021TT00584	Nguyễn Đức Khải	10.000	758.220	
8	1202114620002757	2021TT00953	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	10.000	758.220	
9	1202114620002755	2021TT00951	Nguyễn Huỳnh Khánh Ngân	10.000	758.220	
10	1202114620002769	2021TT00965	Nguyễn Như Quỳnh	10.000	195.000	
11	1202114620002770	2021TT00966	Nguyễn Thanh Sang	10.000	758.220	



STT	Mã SSC ID	Mã Học Sinh	Họ Tên Học Sinh	Tháng 09/2022	Tháng 10/2022	Ghi chú
12	1202114620002779	2021TT00975	Phạm Trần Khánh Vân		593.220	
13	1202114620002751	2021TT00947	Phan Đặng Sơn Kỳ	10.000	758.220	
14	1202114620002775	2021TT00971	Trần Ngọc Dạ Thảo		593.220	
15	1202114620002777	2021TT00973	Trần Ngọc Minh Trân		593.220	
16	1202114620002746	2021TT00942	Văn Đức Huy	10.000	758.220	
17	1202114620002758	2021TT00954	Vòng Bảo Ngọc	10.000	758.220	
18	1202114620002675	2021TT00871	Vũ Đình Thống	10.000	758.220	
19	1202114620002741	2021TT00937	Vũ Nguyễn Huy Hoàng	10.000	758.220	
20	1202114620002739	2021TT00935	Vũ Thị Phương Hà	10.000	758.220	
Lớp 9/9			Tổng cộng 17 học sinh	160.000	12.664.740	
1	1202114620002788	2021TT00984	Đặng Minh Đức	10.000	728.220	
2	1202114620002817	2021TT01013	Đoàn Nguyễn Minh Tâm	10.000	758.220	
3	1202114620002824	2021TT01020	Huỳnh Ngọc Bảo Trân	10.000	758.220	
4	1202114620002797	2021TT00993	Lại Hoàng Đăng Khoa	10.000	758.220	
5	1202114620002811	2021TT01007	Nguyễn Đức Minh Nhật	10.000	758.220	
6	1202114620002804	2021TT01000	Nguyễn Gia Minh		593.220	
7	1202114620002805	2021TT01001	Nguyễn Hoàng Nam	10.000	758.220	
8	1202114620002809	2021TT01005	Nguyễn Khánh Ngọc	10.000	758.220	
9	1202114620002795	2021TT00991	Nguyễn Minh Khang	10.000	758.220	
10	1202114620002798	2021TT00994	Nguyễn Phúc Nguyên Khôi	10.000	758.220	
11	1202114620002421	2021TT00615	Phan Doãn Tú	10.000	758.220	
12	1202114620002786	2021TT00982	Trần Minh Duy	10.000	758.220	
13	1202114620002825	2021TT01021	Trần Mỹ Vy	10.000	728.220	
14	1202114620002780	2021TT00976	Trần Nam An	10.000	758.220	
15	1202114620002810	2021TT01006	Trần Phương Bảo Ngọc	10.000	758.220	
16	1202114620002818	2021TT01014	Trần Thành Thái	10.000	758.220	
17	1202114620002806	2021TT01002	Võ Ngọc Kim Ngân	10.000	758.220	